

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 241, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Nghe tiếng Hàn sơ cấp 1_Đề 1		
Mã học phần:	71KORS40022	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	241_71KORS40022		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	45	phút

KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG TÀI LIỆU

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng quy tắc phát âm, biến âm, luyện âm, ngữ điệu,... của tiếng Hàn để nghe được âm thanh và xác định được từ một cách chính xác		20%			PI 3.1, I PI 3.2, I PI 5.2, I
CLO 2	Vận dụng từ vựng và ngữ pháp tiếng Hàn đã được học để nghe được câu, hội thoại ngắn tương đương trình độ sơ cấp 3		30%			PI 3.1, I PI 3.2, I PI 5.2, I
CLO 3	Vận dụng các kỹ năng nghe tiếng Hàn để nắm bắt thông tin phục vụ cho học tập và công việc ở trình độ sơ cấp		20%			PI 7.2, I PI 7.3, I
CLO 4	Nghe và hiểu được nội dung trong câu chuyện bằng tiếng Hàn tương đương trình độ sơ cấp		30%			PI 7.2, I PI 7.3, I

LƯU Ý:

+ SINH VIÊN NỘP BÀI NGAY KHI FILE NGHE KẾT THÚC

+ MẠC ĐỊNH ĐÁP ÁN ĐÚNG LÀ CÂU A

+ Khi setup đề thi, không đảo lộn thứ tự câu, chỉ đảo lộn phần đáp án

***Trắc nghiệm: 6,5 điểm**

+ Từ câu 1-26: 0,25 điểm/ câu

(0,25 điểm x 26 câu = 6,5 điểm)

***Tự luận: 3,5 điểm**

+ Từ câu 27-36: 0,2 điểm/ câu

(0,2 điểm x 10 câu = 2,0 điểm)

+ Câu 37-38: 0,35 điểm / câu

(0,35 điểm x 2 câu = 0,7 điểm)

+ Câu 39-40: 0,4 điểm/câu

(0,4 điểm x 2 câu = 0,8 điểm)

III. Nội dung câu hỏi thi**A. TRẮC NGHIỆM**

※ [1~2] 다음을 듣고 <보기>와 같이 ()에 알맞은 것을 고르십시오.

—————<보 기>————— (머리)가 좋아요. ① 마리 ② 머리 ③ 미리 ④ 무리			
---	--	--	--

1.

A. 배

B. 개

C. 대

D. 새

2.

A. 오리

B. 요리

C. 유리

D. 우리

※ [3~6] 다음을 듣고 <보기>와 같이 물음에 맞는 대답을 고르십시오.

<보 기>	
가: 공부를 해요?	
나: _____	
① 네, 공부를 해요.	② 아니요, 공부예요.
③ 네, 공부가 아니예요.	④ 아니요, 공부를 좋아해요.

3.

- A. 네, 시장이에요.
- B. 아니요, 시장에 안 가요.
- C. 네, 시장이 좋아요.
- D. 아니요, 시장에 있어요.

4.

- A. 아니요, 지우개가 없어요.
- B. 아니요, 지우개예요.
- C. 네, 지우개가 없어요.
- D. 네, 지우개가 아니예요.

5.

- A. 집에서 먹었어요.
- B. 여섯 시에 먹었어요.
- C. 동생하고 먹었어요.
- D. 밥을 먹었어요.

6.

- A. 시험이 있어요.
- B. 한 시에 가요.
- C. 같이 가요.
- D. 학교에 있어요.

※ [7~8] 다음을 듣고 <보기>와 같이 다음 말에 이어지는 것을 고르십시오.

—<보 기>—	
가: 맛있게 드세요. 나: _____	
① 다음에 봐요.	② 잘 부탁드립니다.
③ 모르겠습니다.	④ 잘 먹겠습니다.

7.

- A. 안녕히 가세요.
- B. 어서 오세요.
- C. 안녕히 계세요.
- D. 들어오세요.

8.

- A. 죄송합니다.
- B. 고맙습니다.
- C. 실례합니다.
- D. 괜찮습니다.

※ [9~11] 여기는 어디입니까? <보기>와 같이 알맞은 것을 고르십시오.

—<보 기>—	
가: 어디가 아프세요? 나: 배가 아파요.	
① 가게	② 빵집
③ 병원	④ 회사

9.

- A. 시장
- B. 학교
- C. 극장
- D. 서점

10.

- A. 교실
- B. 은행
- C. 공원
- D. 식당

11.

- A. 꽃집
- B. 야국
- C. 우체국
- D. 도서관

※ [12~14] 다음은 무엇에 대해 말하고 있습니까? <보기>와 같이 알맞은 것을 고르십시오.

—<보 기>—

가: 누구예요?

나: 이 사람은 형이고, 이 사람은 동생이에요.

- ① 가족 ② 이름 ③ 나이 ④ 학생

12.

- A. 옷
- B. 시계
- C. 가방
- D. 책

13.

- A. 계절
- B. 날씨
- C. 취미
- D. 운동

14.

- A. 계획
- B. 직업
- C. 주말
- D. 기분

※ [15~17] 다음 대화를 듣고 알맞은 그림을 고르십시오.

15. ①



②



③



④



- A. ①
- B. ②
- C. ④
- D. ③

16. ①



②



③



④



A. ②

B. ①

C. ③

D. ④

17. ①



②



③



④



A. ③

B. ①

C. ②

D. ④

* [18~22] 다음을 듣고 알맞은 것을 고르십시오.

18.

A. 미국에서 왔어요.

B. 작년에 왔어요.

C. 아니요, 미국이에요.

D. 네, 안 왔어요.

19.

A. 3 월 5 일이에요.

B. 금요일이에요.

C. 11 시 30 분이에요.

D. 오늘이 생일이에요.

20.

- A. 네, 도서관이에요.
- B. 네, 도서관에서 만나요.
- C. 아니요, 도서관에 없어요.
- D. 아니요, 도서관에서 공부해요.

21.

- A. 아니요, 학교에 안 가요.
- B. 네, 학교입니다.
- C. 다른 곳에 가요.
- D. 아니요, 학교로 가봅시다.

22.

- A. 선생님이에요.
- B. 열심히 해요.
- C. 다음에 해요.
- D. 회사가 아니에요.

*** [23~26] 다음은 무엇에 대해 말하고 있습니까? 알맞은 것을 고르십시오.**

23.

- A. 날짜
- B. 생일
- C. 시간
- D. 휴가

24.

- A. 가족
- B. 친구
- C. 장소
- D. 이름

25.

- A. 주말
- B. 약속
- C. 장소
- D. 취미

26.

- A. 나이
- B. 날짜
- C. 시간
- D. 직업

B. TỰ LUẬN

***[27~36] 잘 듣고 반칸에 알맞은 말을 쓰십시오.**

27. 학생이 (.....).

28. 이거는 (.....)예요.

29. (.....) 있어요?

30. (.....) 있어요?

31. 저는 (.....)예요.

32. (.....)가 아파요.

33. (.....)를 꺾어요.

34. (.....)가 갑니다.

35. 우산을 (.....).

36. (.....)이에요.

***[37~38] 잘 듣고 반칸에 알맞은 말을 쓰십시오.**

37. 오늘은 (.....)입니다.

..... 월 일

38. 오늘은 (.....)입니다.

..... 월 일

39.

02-298- (.....)

40.

070-(.....)-6815

ĐÁP ÁN PHẦN TRẮC NGHIỆM + TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
1-26 Trắc nghiệm (6.5 điểm)		0.25 điểm	0.25 đ x 26
27- 40 Tự luận (3.5 điểm)	27. 갑니다. 28. 의자 29. 차가 30. 빵이 31. 기자 32. 다리 33. 사과 34. 코끼리 35. 써요. 36. 금요일	0.2 điểm	0.2 đ x 10
	37. 3 월 20 일 38. 10 월 4 일	0.35 điểm	0.35 đ x 2
	39. (9152) 40. (2551)	0.4 điểm	0.4 đ x 2
Tổng		10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 12 năm 2024
 Người duyệt đề



Nguyễn Thị Hương